

Bản án số: 18/2023/HSST

Ngày: 02 – 6 -2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Phong

2. Bà Phạm Thị Lợi

- Thư ký phiên Tòa: Ông Phạm Quốc Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HS ngày tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

VÕ THỊ NGỌC P, sinh ngày 09/9/1969 tại huyện B, tỉnh T.

Nơi cư trú: Ấp H, xã C, huyện B, tỉnh T.

Nghề nghiệp: Giáo viên; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con bà Võ Thị C, cha không xác định; Chồng: Dương Thanh Q; Con: Có 01 người con sinh năm 1995.

- Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 30/9/2022 cho đến nay (Có mặt).

- Người bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1973 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp V, xã T, huyện B, tỉnh T.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Nguyễn Thị Kim T:

Luật sư Lê Kim Trường S của Văn phòng luật sư Lê Vũ Hồng H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre (Có mặt)

Địa chỉ: Số 98/22B, Nguyễn Huệ, phường A, thành phố B, tỉnh T.

2. Bà Trần Thị Á, sinh năm 1965 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp H, xã C, huyện B, tỉnh T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Dương Thanh Q, sinh năm 1966 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp H, xã C, huyện B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2018 đến năm 2019, Võ Thị Ngọc P đã nhiều lần vay tiền của bà Nguyễn Thị Kim T để cho vay lại, hưởng chênh lệch và tiêu xài cá nhân. Đến đầu năm 2019, P đã nợ bà T nhiều tiền nên bà T yêu cầu P muốn vay tiếp thì phải có tài sản thế chấp. Lúc này, P nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp cho bà T. Chồng bị cáo P là ông Dương Thanh Q làm nghề chụp hình thẻ, in màu thiệp cưới, in màu hình thẻ và các biên quảng cáo. Chờ lúc ông Q không có nhà, P đã sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 402, tờ bản đồ số 17, diện tích 173 m², địa chỉ xã C, huyện B, tỉnh T đứng tên Dương Thanh Q và sử dụng các thiết bị điện tử tại nhà như: máy scan màu, máy tính, máy in, P đã tự mình scan ra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Sau đó dùng giấy giả đó đem đi thế chấp cho bà T để vay và chiếm đoạt tiền. Cụ thể:

- Ngày 08/6/2019, P đã tự làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Đến ngày 10/6/2019, P mang giấy giả đến nhà của bà T để thế chấp vay số tiền 120.000.000 đồng, giữa hai bên không có làm giấy tờ nhưng P có ký nhận vào quyển tập học sinh do bà T quản lý.

- Ngày 22/7/2019, Phụng tự đánh máy bìa ra danh sách 23 giáo viên trường tiểu học Trần Văn Ôn vay thấu chi, tự ký nhận tiền cho từng giáo viên liệt kê trong danh sách, rồi đi phô tô thành danh sách trắng đen và tiêu hủy danh sách gốc. Đến ngày 23/7/2019, P dùng danh sách 23 giáo viên vay thấu chi bản phô tô nêu trên, đến nhà bà T, đưa ra thông tin gian dối là trường tiểu học Trần Văn Ôn cần vay thấu chi số tiền 975.000.000 đồng, mục đích cho bà T tin tưởng là có sự việc vay thấu chi của những giáo viên trường tiểu học Trần Văn Ôn, đồng thời P nói trước đây ngày 10/6/2019, đã thế chấp sổ đỏ, lần này tiếp tục sử dụng sổ đỏ đã thế chấp đó, vay thêm số tiền 104.000.000 đồng.

Nhận thấy việc làm giả giấy tờ không ai phát hiện, nên vào ngày 14/9/2019, Phụng sử dụng thiết bị điện tử tại nhà tiếp tục làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Dương Thanh Q đối với thửa đất nêu trên. Đến ngày 17/9/2019, P sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả trên, đến nhà của bà Trần Thị Á (Hồng) để thế chấp vay số tiền 70.000.000 đồng. Do trước đây vào ngày 21/7/2019, P đã vay số tiền 50.000.000 đồng của bà Á, nên P đã tự viết biên nhận mượn số tiền 120.000.000 đồng giao cho bà Á giữ cùng với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả.

Đến tháng 3 năm 2022, P không trả tiền vay và tiền lãi, đồng thời nghi ngờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giả, bà T và bà Á đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bình Đại để kiểm tra thì phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là giả nên đã tố giác hành vi phạm tội của P.

*** Cơ quan Điều tra tạm giữ những vật chứng sau:**

- Một (01) thùng CPU nhãn hiệu Wesfcom màu trắng đen có kích thước: cao 36cm, dài 40,8cm, rộng 07cm; không có nắp thùng bên hông.

- Một (01) bàn phím có màu đen nhãn hiệu EBLUE có kích thước: dài 47cm, rộng 08cm, cao 03cm.
- Một (01) màn hình có màu đen nhãn hiệu LG, FPT 21in có kích thước: dài 45cm, rộng 2,5cm, cao 36cm.
- Một (01) máy in có màu đen nhãn hiệu EPSON hiệu L805 có kích thước: dài 56cm, rộng 08cm, cao 18,9cm; bên hông có gắn 06 ngăn đựng mực in có nhiều màu.
- Một (01) máy Scan màu kỹ thuật cao có màu đen nhãn hiệu Epson Perfection EPSON V330 Photo có kích thước: dài 43cm, rộng 28cm, cao 06cm.
- Một (01) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ghi tên ông Dương Thanh Q, sinh năm 1966, thường trú ấp Vinh Xương, xã Vang Quới Đông, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, số bìa sổ BE964380, số vào sổ cấp giấy CH01159, thửa đất số 402, tờ bản đồ số 17, diện tích 173m², địa chỉ xã Châu Hưng, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (không có nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý sau khi cấp giấy chứng nhận) do bà Nguyễn Thị Kim T tự giao nộp, được giao nhận từ Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre (giấy giả).
- Một (01) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ghi tên ông Dương Thanh Q, sinh năm 1966, thường trú ấp Vinh Xương, xã Vang Quới Đông, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, số bìa sổ BE964380, số vào sổ cấp giấy CH01159, thửa đất số 402, tờ bản đồ số 17, diện tích 173m², địa chỉ xã Châu Hưng, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (phần nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý sau khi cấp giấy chứng nhận là người sử dụng đất thay đổi địa chỉ thường trú từ ấp Vinh Xương, xã Vang Quới Đông, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre thành ấp Hưng Chánh, xã Châu Hưng, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xác nhận vào ngày 16/04/2018) do bà Trần Thị Á tự giao nộp, được giao nhận từ Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre (giấy giả).
- Ngày 07/7/2022, Võ Thị Ngọc P tự giao nộp một (01) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (giấy thật) ghi tên ông Dương Thanh Q, sinh năm 1966, thường trú: ấp Vinh Xương, xã Vang Quới Đông, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, số bìa sổ BE964380, số vào sổ cấp giấy CH01159, thửa đất số 402, tờ bản đồ số 17, diện tích 173m², địa chỉ xã Châu Hưng, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (phần nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý sau khi cấp giấy chứng nhận là người sử dụng đất thay đổi địa chỉ thường trú từ ấp Vinh Xương, xã Vang Quới Đông, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre thành ấp H, xã C, huyện B, tỉnh T xác nhận vào ngày 16/4/2018).
- Ngày 27/7/2022, bà Nguyễn Thị Kim T tự giao nộp một (01) sổ bảo hiểm xã hội cấp lần 2; số sổ 5596008259 mang tên Võ Thị Ngọc P, sinh năm 1969, cư trú tại ấp H, xã C, huyện B, tỉnh T; chứng minh nhân dân số 320660064, cấp ngày 28/5/2019, tại Công an tỉnh Bến Tre; từ tháng 09/1989 đến tháng 12/2016 (sổ thật).
- Ngày 02/8/2022, Võ Thị Ngọc P tự giao nộp các giấy tờ có liên quan đến quá trình đóng bảo hiểm xã hội của Võ Thị Ngọc P, sinh năm 1969, cư trú tại ấp H, xã C,

huyện B, tỉnh T mã số 5596008259; chứng minh nhân dân số 320660064, cấp ngày 28/5/2019, tại Công an tỉnh Bến Tre; từ tháng 01/2017 đến tháng 12/2020 (giấy thật).

*** Kết quả giám định:**

- Kết luận giám định số 395/2022/KL-KTHS ngày 26/8/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận về đối tượng giám định như sau: 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, có cùng số BE 964380, đề ngày 23 tháng 7 năm 2012, mang tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất Dương Thanh Q, sinh năm 1966, thường trú ấp Vxã Đ, huyện B, tỉnh TBến Tre (ký hiệu A1, A2) nêu tại mục II.1 là giấy giả và được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

- Tiến hành giám định chữ viết và chữ ký của Võ Thị Ngọc P trong quyển tập học sinh được đánh số thứ tự từ 01 đến 26 do bà Nguyễn Thị Kim T tự giao nộp. Tại Bản kết luận giám định số 370/2022/KL-KTHS ngày 09/9/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận về đối tượng giám định như sau: Chữ ký cần giám định ký hiệu từ A1 đến A5, từ A7 đến A44 trên quyển tập học sinh, kích thước 16cm x 20,5cm, trên bìa có chữ “HOA HỌC TRÒ”, được đánh số thứ tự từ trang 01 đến trang 26 nêu tại mục II.1 so với chữ ký mẫu của bà Võ Thị Ngọc P trên tài liệu ký hiệu M1 đến M5 nêu tại mục II.2 là do cùng một người ký ra. Chữ viết cần giám định ghi “Võ Thị P” ký hiệu A1, A4, A6, A13 trên quyển tập học sinh, kích thước 16cm x 20,5cm, trên bìa có chữ “HOA HỌC TRÒ”, được đánh số thứ tự từ trang 01 đến trang 26 nêu tại mục II.1 so với chữ viết mẫu của bà Võ Thị Ngọc P trên tài liệu ký hiệu M1 đến M5 nêu tại mục II.2 là do cùng một người viết ra. Chữ viết cần giám định ghi “Võ Thị Ngọc P” ký hiệu A2, A3, A7 đến A12, A14 đến A32, A35, A36, A37, A39, A41, A43, A44 trên quyển tập học sinh, kích thước 16cm x 20,5cm, trên bìa có chữ “HOA HỌC TRÒ”, được đánh số thứ tự từ trang 01 đến trang 26 nêu tại mục II.1 so với chữ viết mẫu của Võ Thị Ngọc P trên tài liệu ký hiệu M1 đến M5 nêu tại mục II.2 là do cùng một người viết ra.

Tiến hành giám định chữ ký và chữ viết của Võ Thị Ngọc P tại tờ giấy đề ngày 19/8/2019 nội dung: “Tôi có mượn của chị Hồng số tiền 120.000.000 đồng.”, giám định 01 bản sao chụp: “Danh sách giáo viên vay thấu chi trường tiểu học Trần Văn Ôn”. Tại bản Kết luận giám định số 461/2022/KL-KTHS ngày 03/10/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Chữ ký, chữ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A3) nêu tại mục II.1 so với chữ ký, chữ viết của Võ Thị Ngọc P trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M5) nêu tại mục II.2 do cùng một người ký, viết ra. Đối với “Danh sách giáo viên vay thấu chi trường tiểu học Trần Văn Ôn” do là tài liệu sao chụp nên Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre không thực hiện giám định.

- Tiến hành xác minh chữ ký, thông tin danh sách giáo viên vay thấu chi tại Trường Tiểu học Trần Văn Ôn thuộc xã Phước Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre và Trường Tiểu học Vang Quới Đông, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Kết quả xác minh không có giáo viên nào có tên trong danh sách. Tiến hành xác minh trên địa bàn xã Giao Long, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre không có Trường học nào mang tên Trần Văn Ôn, một dấu trên danh sách bị mờ nên không xác định được chính xác là của

trường nào. Như vậy, P đã tự bịa ra danh sách 23 giáo viên của một trường học không có thật và tài liệu này là tài liệu sao chụp không có bản gốc nên không thể giám định được, cho nên đây không phải là hành vi làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan tổ chức mà chỉ xem là thủ đoạn gian dối nhằm lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà T.

* Trách nhiệm dân sự, bồi thường thiệt hại:

- Đối với bị hại bà Nguyễn Thị Kim T: Bà Thoa yêu cầu P trả cho bà số tiền lừa đảo 224.000.000 đồng và yêu cầu P trả lãi với mức lãi suất 1,6%/tháng đối với số tiền 120.000.000 đồng tính từ ngày 10/6/2019, số tiền 104.000.000 đồng tính từ ngày 23/7/2019 cho đến ngày xét xử.

- Đối với bị hại bà Trần Thị Á: Bà Á yêu cầu P trả bà số tiền lừa đảo 70.000.000 đồng, bà không yêu cầu P trả lãi suất.

- Ngày 05/01/2023, ông Dương Thanh Q (Chồng P) đã khắc phục hậu quả cho bà Thoa 5.000.000 đồng, bà Ánh 5.000.000 đồng (do Phụng tác động gia đình khắc phục).

Quá trình điều tra, bị cáo P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp lời khai người bị hại, tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Tại Bản cáo trạng số 17/CT-VKSND ngày 05/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Võ Thị Ngọc P về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự, “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b, c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bị cáo Võ Thị Ngọc P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại đã truy tố và vật chứng đã thu thập. Bị cáo P thừa nhận Bản Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng, đồng ý với Kết luận giám định, các hành vi và quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Bị cáo P đồng ý trả nợ theo yêu cầu của người bị hại bà Nguyễn Thị Kim T và bà Trần Thị Á. Đối với số tiền 10.000.000 đồng do chồng bị cáo là ông Dương Thanh Q đã khắc phục hậu quả cho bà T, bà Á, bị cáo không có ý kiến gì, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị hại Nguyễn Thị Kim T trình bày: Thống nhất với nội dung bản Cáo trạng và phát biểu luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại đã truy tố đối với bị cáo. Đồng ý với kết luận giám định, các hành vi và quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Bà có cho bị cáo P vay nhiều lần với tổng số tiền là 224.000.000 đồng, lãi suất 2.000 đồng/01 ngày/1.000.000 đồng, bị cáo có đưa cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Dương Thanh Q (Giấy giả) cho bà giữ nhưng bà không biết giấy giả, nếu biết giả bà không có đưa tiền cho bị cáo P vay và một (01) sổ bảo hiểm xã hội cấp lần 2; số sổ 5596008259 mang tên Võ Thị Ngọc P (Sổ thật). Trong quá trình vay tiền, bị cáo P không có trả cho bà tiền vốn vay và tiền lãi suất. Số tiền nợ vốn vay 224.000.000 đồng, đã trả được 5.000.000 đồng còn nợ lại số tiền là 219.000.000 đồng. Bà yêu cầu bị cáo P trả cho bà số tiền vay 219.000.000 đồng và yêu cầu bị cáo trả lãi suất với mức lãi

suất 1,6%/tháng tính từ ngày 23/7/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, bà không có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo P.

- Bị hại Trần Thị Á: Thống nhất với nội dung bản Cáo trạng và phát biểu luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại đã truy tố đối với bị cáo P. Đồng ý với kết luận giám định, các hành vi và quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Bà có cho bị cáo P vay số tiền là 70.000.000 đồng, lãi suất 03%/tháng, bị cáo có đưa cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Dương Thanh Q (Giấy giả) cho bà giữ nhưng bà không biết giấy giả, nếu biết giả bà không có đưa tiền cho bị cáo P vay. Trong quá trình vay tiền, bị cáo P không có trả cho bà tiền vốn vay và tiền lãi suất. Số tiền nợ vốn vay 70.000.000 đồng, đã trả được 5.000.000 đồng còn nợ lại số tiền là 65.000.000 đồng. Bà yêu cầu bị cáo P trả cho bà số tiền vay 65.000.000 đồng, không yêu cầu bị cáo trả lãi suất. Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, bà yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo P.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Thanh Q trình bày: Ông hoàn toàn không biết việc bị cáo P sử dụng các thiết bị điện tử tại nhà ông để làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức cũng như sử dụng những tài liệu làm giả này để lừa đảo các bị hại chiếm đoạt tiền, ông không biết là bao nhiêu tiền và cũng không có sử dụng những khoản tiền vay này. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 402, tờ bản đồ số 17, diện tích 173 m², địa chỉ xã C, huyện B, tỉnh T mang tên Dương Thanh Q là tài sản của riêng ông. Các thiết bị điện tử là tài sản riêng của ông, tự mua. Hiện nay Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Đại đang tạm giữ các tài sản trên, ông có yêu cầu nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bản chính) và các thiết bị điện tử nêu trên. Về số tiền 10.000.000 đồng ông bỏ ra để khắc phục hậu quả cho bị cáo, làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, ông không yêu cầu bị cáo phải trả lại.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Khẳng định Bản Cáo trạng số 17/CT-VKSND ngày 05/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại truy tố bị cáo Võ Thị Ngọc P về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Võ Thị Ngọc P phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự, “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b, c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

a) Về trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Thị Ngọc P mức án từ 04 năm đến 05 năm tù về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Thị Ngọc P mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội: “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Võ

Thị Ngọc P mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội: “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt của cả 03 tội đối với bị cáo Võ Thị Ngọc P.

b) Về trách nhiệm dân sự và bồi thường thiệt hại: Đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 468, 584, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Buộc bị cáo Võ Thị Ngọc P có trách nhiệm trả cho bị hại Nguyễn Thị Kim T số tiền 219.000.000 đồng và tiền lãi suất 1,6%/tháng tính từ ngày 23/7/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Buộc bị cáo Võ Thị Ngọc P có trách nhiệm trả cho bị hại Trần Thị Á số tiền 65.000.000 đồng. Ghi nhận bà Á không yêu cầu trả lãi suất.

- Về bồi thường thiệt hại: Ông Q đã khắc phục hậu quả cho bà T, bà Á số tiền 10.000.000 đồng (Do bị cáo Phụng tác động) và không có yêu cầu gì khác.

c) Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Thanh Q:

- + Một (01) thùng CPU nhãn hiệu Wesfcom màu trắng đen có kích thước: cao 36cm, dài 40,8cm, rộng 07cm; không có nắp thùng bên hông; Một (01) bàn phím có màu đen nhãn hiệu EBLUE có kích thước: dài 47cm, rộng 08cm, cao 03cm.

- + Một (01) màn hình có màu đen nhãn hiệu LG, FPT 21in có kích thước: dài 45cm, rộng 2,5cm, cao 36cm.

- + Một (01) máy in có màu đen nhãn hiệu EPSON hiệu L805 có kích thước: dài 56cm, rộng 08cm, cao 18,9cm; bên hông có gắn 06 ngăn đựng mực in có nhiều màu.

- + Một (01) máy Scan màu kỹ thuật cao có màu đen nhãn hiệu Epson Perfection EPSON V330 Photo có kích thước: dài 43cm, rộng 28cm, cao 06cm.

- + Một (01) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (giấy thật) ghi tên ông Dương Thanh Q, sinh năm 1966, thường trú: ấp Vinh Xương, xã Vang Quới Đông, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, số bìa sổ BE964380, số vào sổ cấp giấy CH01159, thửa đất số 402, tờ bản đồ số 17, diện tích 173m², địa chỉ xã Châu Hưng, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (phần nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý sau khi cấp giấy chứng nhận là người sử dụng đất thay đổi địa chỉ thường trú từ ấp Vinh Xương, xã Vang Quới Đông, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre thành ấp H, xã C, huyện B, tỉnh T xác nhận vào ngày 16/4/2018).

- Trả lại cho bị hại Nguyễn Thị Kim T một (01) sổ bảo hiểm xã hội cấp lần 2; số sổ 5596008259 mang tên Võ Thị Ngọc P, sinh năm 1969, cư trú tại ấp H, xã C, huyện B, tỉnh T; chứng minh nhân dân số 320660064, cấp ngày 28/5/2019, tại Công an tỉnh Bến Tre; từ tháng 09/1989 đến tháng 12/2016 (sổ thật).

- Trả lại cho bị cáo Võ Thị Ngọc P các giấy tờ xác nhận quá trình đóng bảo hiểm xã hội của Võ Thị Ngọc P, sinh năm 1969, cư trú tại ấp H, xã C, huyện B, tỉnh T mã số 5596008259; chứng minh nhân dân số 320660064, cấp ngày 28/5/2019, tại Công an tỉnh Bến Tre; từ tháng 01/2017 đến tháng 12/2020 (giấy thật).

Việc bị cáo P sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bộ máy scan, in màu của ông Dương Thanh Q để thực hiện việc làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sử dụng giấy tờ giả này lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà T, bà Á, ông Q hoàn toàn không biết nên không xem xét xử lý đối với ông Q là đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo P và bà T có thỏa thuận miệng lãi suất vay 2.000 đồng/01 ngày/1.000.000 đồng, tương đương với mức lãi suất 6%/tháng, 72%/năm, việc thỏa thuận này không có giấy tờ chứng minh. Bị cáo P cũng chưa thực hiện việc trả lãi cho bà T, căn cứ quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự và Điều 201 Bộ luật Hình sự thì không có cơ sở xem xét, xử lý bà T về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Ngoài số tiền lừa đảo nêu trên, bị cáo P còn vay tiền của bà Á, nhiều lần vay tiền của bà T, có dùng sổ bảo hiểm thật của bị cáo P để thế chấp vay tiền bà T. Xét thấy, đây là quan hệ pháp luật dân sự, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị can P nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Tiến hành xác minh về tài sản đối với bị cáo P: Bị cáo P không có đúng tên quyền sử dụng đất và tài sản nào khác gắn liền với đất tại xã C, xã V. Bị cáo Phụng và ông Q sống chung với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Tại Bản án số 21/2021/HNGĐ-ST ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đã tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Q và bà P. Đối với quyền sử dụng đất ghi tên ông Dương Thanh Q, tại thửa đất số 402, tờ bản đồ số 17, diện tích 173m², địa chỉ xã C, huyện B, tỉnh T, qua điều tra xác định đây là tài sản riêng của ông Q cho nên không tiến hành kê biên tài sản này để đảm bảo thi hành án.

- Bị cáo Võ Thị Ngọc P, bị hại Nguyễn Thị Kim T, Trần Thị Á, ông Dương Thanh Q đều không tranh luận.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Nguyễn Thị Kim T phát biểu tranh luận: Tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, bị hại bà Trần Thị Á có khai là bà M có cho bị cáo vay tiền, bị cáo có đưa cho bà M 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Dương Thanh Q, bà Á khai giống với giấy mà bị cáo đưa cho bà Á. Đây là tình tiết phát sinh tại Tòa chưa làm rõ là bị cáo đưa cho bà M là giấy thật hay giấy giả và ông Q có biết việc này hay không. Đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ điều tra bổ sung để làm rõ nội dung này, không bỏ lọt tội phạm.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết mình làm như vậy là sai, lẽ ra bị cáo nên chọn một cách giải quyết khác. Bị cáo hối hận việc làm của bị cáo, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình làm trả tiền cho các bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Bình Đại, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các

hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị cáo Võ Thị Ngọc P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng với các tình tiết của vụ án. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với những chứng cứ như: đơn tố giác tội phạm của các bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, các kết luận giám định ngày 26/8/2022, ngày 09/9/2022, ngày 03/10/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre, bản ảnh khám nghiệm hiện trường, bản ảnh vật chứng đã bị thu giữ, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã đủ cơ sở xác định: Bị cáo Võ Thị Ngọc P do có động cơ tư lợi bất chính nên trong khoảng thời gian từ tháng 06/2019 đến tháng 9/2019 trên địa bàn xã C và xã V, bị cáo Võ Thị Ngọc P đã có hành vi 02 lần làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Dương Thanh Q, rồi sử dụng các tài liệu giả này để gian dối thế chấp vay tiền của bà Nguyễn Thị Kim T 02 lần chiếm đoạt số tiền 224.000.000 đồng và thế chấp vay tiền của bà Trần Thị Á 01 lần chiếm đoạt số tiền 70.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo P dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt của các bị hại là 294.000.000 đồng.

[3] Về tội danh: Bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo là giáo viên, là người có học thức, đủ khả năng nhận thức về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, làm giả và sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích chiếm đoạt tài sản đã cố ý dùng thủ đoạn gian dối bằng hình thức làm giả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi sử dụng giấy giả này đem đi thế chấp vay tiền của người khác, làm cho chủ sở hữu tài sản tin tưởng đó là sự thật mà giao tiền để bị cáo chiếm đoạt. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, sự hoạt động bình thường và uy tín của cơ quan Nhà nước, tổ chức, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, gây hoang mang, lo sợ trong nhân dân, gây mất an ninh, trật tự, an toàn tại địa phương. Với ý thức, hành vi và hậu quả xảy ra, thấy rằng Bản Cáo trạng số 17/CT-VKSND ngày 05/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại đã truy tố bị cáo Võ Thị Ngọc P về: “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung hình phạt “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đến dưới 500.000.000 đồng*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự, “Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” với tình tiết định khung hình phạt “*Phạm tội 2 lần trở lên*”, “*Làm giả 02 con dấu, tài liệu*” theo điểm b, c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự và “*Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” với tình tiết định khung hình phạt “*Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng*” theo điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về thủ đoạn, động cơ, mục đích phạm tội, nguyên nhân, điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội; tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra: Xuất phát từ nhu cầu cần thỏa thuận vay tiền để cho người khác vay lại và tiêu xài cá nhân, nhưng không có giấy tờ, tài sản cá nhân để thế chấp vay tiền nên bị cáo đã có

hành vi làm giả giấy tờ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Dương Thanh Q, rồi sử dụng các giấy tờ giả này và sử dụng để thế chấp vay tiền bà T, bà Á với tổng số tiền 294.000.000 đồng. Cho nên, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền bị cáo đã chiếm đoạt. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một mình, không có người giúp sức hoặc cùng thực hiện tội phạm nên vụ án không có đồng phạm.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, lượng hình:

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 02 lần thực hiện hành vi làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi sử dụng giấy tờ giả này để thế chấp vay tiền bà T, bà Á để chiếm đoạt tiền vay của các bị hại. Do đó, bị cáo phạm tội có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là *“Phạm tội 02 lần trở lên”* theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, đối với tội *“Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”*, tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ được hưởng là *“Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”* theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; *“Bồi thường thiệt hại”* do bị cáo có tác động người nhà khắc phục bồi thường một phần hậu quả theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị cáo *“có thành tích xuất sắc trong công tác 02 năm liền đạt chiến sĩ thi đua cơ sở được nhận bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh, có giấy chứng nhận giáo viên dạy giỏi cấp huyện”* theo điểm v khoản 1 Điều 51, *“Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án”* do bị cáo đã cung cấp cho cơ quan an ninh điều tra công an tỉnh B nhiều thông tin có giá trị, góp phần làm rõ âm mưu, phương thức, thủ đoạn chống phá các thế lực thù địch, phần tử phản động nhằm lật đổ Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo điểm t khoản 1 Điều 51. Ngoài ra, bị hại Á có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, có ông ngoại Võ Kim T là người có công trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đây là những tình tiết được xem xét giảm nhẹ cho bị cáo quy định theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Về lượng hình: Căn cứ vào nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng cũng có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo cùng lúc phạm nhiều tội, trong đó có tội phạm thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, gây nguy hại lớn cho xã hội, phạm tội với lỗi cố ý, chỉ khắc phục bồi thường thiệt hại 01 phần nhỏ cho các bị hại. Đối với tội: *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*, bị cáo có 04 tình tiết giảm nhẹ, 01 tình tiết tăng nặng; *“Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”* bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, *“Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”* bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ, 01 tình tiết tăng nặng sẽ được xem xét quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ Luật hình sự. Qua xem xét tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả do bị cáo gây ra, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải áp dụng hình phạt tù theo Điều

38 của Bộ luật hình sự, cách ly bị cáo P ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ sức răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với bị hại Nguyễn Thị Kim T: Bị cáo P còn nợ bà số tiền vốn vay 224.000.000 đồng, khấu trừ 5.000.000 đồng bị cáo đã khắc phục, còn lại 219.000.000 đồng và yêu cầu bị cáo trả tiền lãi suất với mức lãi suất 1,6% tháng tính từ ngày 23/7/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 02/6/2023. Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà T, yêu cầu của bà T là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 48, 463, 468 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Cụ thể số tiền lãi được tính và bị cáo phải trả cho bà T như sau:

- $219.000.000 \text{ đồng} \times 1,6\% \times 46 \text{ tháng} 10 \text{ ngày} = 162.352.000 \text{ đồng}$ (Một trăm sáu mươi hai triệu ba trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Tổng số tiền bị cáo phải trả cho bà T là 381.352.000 đồng (Gồm nợ gốc 219.000.000 đồng, tiền lãi suất 162.352.000 đồng).

- Đối với bị hại Trần Thị Á: Bị cáo P còn nợ bà số tiền vốn vay 70.000.000 đồng, khấu trừ 5.000.000 đồng bị cáo đã khắc phục, còn lại 65.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi suất. Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà Á, yêu cầu của bà Á là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 48, 463 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Một (01) thùng CPU nhãn hiệu Wesfcom màu trắng đen có kích thước: cao 36cm, dài 40,8cm, rộng 07cm; không có nắp thùng bên hông; Một (01) bàn phím có màu đen nhãn hiệu EBLUE có kích thước: dài 47cm, rộng 08cm, cao 03cm; Một (01) màn hình có màu đen nhãn hiệu LG, FPT 21in có kích thước: dài 45cm, rộng 2,5cm, cao 36cm; Một (01) máy in có màu đen nhãn hiệu EPSON hiệu L805 có kích thước: dài 56cm, rộng 08cm, cao 18,9cm; bên hông có gắn 06 ngăn đựng mực in có nhiều màu; Một (01) máy Scan màu kỹ thuật cao có màu đen nhãn hiệu Epson Perfection EPSON V330 Photo có kích thước: dài 43cm, rộng 28cm, cao 06cm.

Đây là các thiết bị điện tử của anh Dương Thanh Q mà bị cáo sử dụng để phạm tội là làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, là tài sản của anh Q tự mua, anh Q không biết bị cáo dùng vào việc phạm tội nên trả lại cho anh Q:

- Một (01) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ghi tên ông Dương Thanh Q, sinh năm 1966, cư trú: ấp H, xã Ch, huyện B, tỉnh T, số bìa sổ BE964380, sổ vào sổ cấp giấy CH01159, thửa đất số 402, tờ bản đồ số 17, diện tích 173m², địa chỉ xã C, huyện B, tỉnh T (phần nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý sau khi cấp giấy chứng nhận là người sử dụng đất thay đổi địa chỉ thường trú từ ấp V, xã Đ, huyện B, tỉnh T thành ấp H, xã C, huyện B, tỉnh T xác nhận vào ngày 16/4/2018 (giấy thật).

Đây là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do anh Q đứng tên quyền sử dụng, qua xác minh đây là tài sản riêng của anh Q. Tại Bản án số 21/2021/HNGĐ-ST ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đã tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Q và bị cáo. Cho

nên trả lại cho anh Q, không tiến hành kê biên tài sản này để đảm bảo thi hành án là đúng quy định của pháp luật.

- Một (01) sổ bảo hiểm xã hội cấp lần 2; số sổ 5596008259 mang tên Võ Thị Ngọc P, sinh năm 1969, cư trú tại ấp H, xã C, huyện B, tỉnh T; chứng minh nhân dân số 320660064, cấp ngày 28/5/2019, tại Công an tỉnh Bến Tre; từ tháng 09/1989 đến tháng 12/2016 (sổ thật).

Đây là vật chứng do bị hại Nguyễn Thị Kim T giao nộp, sổ bảo hiểm này do bị cáo thế chấp vay tiền của bà T. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật dân sự giữa hai bên, có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án dân sự nên trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim T.

- Giấy tờ xác nhận việc đóng bảo hiểm xã hội của bà Võ Thị Ngọc P, sinh năm 1969, cư trú tại ấp H, xã C, huyện B, tỉnh T mã số 5596008259; chứng minh nhân dân số 320660064, cấp ngày 28/5/2019, tại Công an tỉnh Bến Tre; từ tháng 01/2017 đến tháng 12/2020 (giấy thật).

Đây là các giấy tờ do bị cáo giao nộp liên quan đến việc thế chấp sổ bảo hiểm để vay tiền của bà T là quan hệ pháp luật dân sự, có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án dân sự không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

Đối với các giấy tờ:

- Một (01) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ghi tên ông Dương Thanh Q, sinh năm 1966, thường trú ấp V, xã Đ, huyện B, tỉnh T, số bìa sổ BE964380, số vào sổ cấp giấy CH01159, thửa đất số 402, tờ bản đồ số 17, diện tích 173m², địa chỉ xã C, huyện B, tỉnh T (không có nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý sau khi cấp giấy chứng nhận) do bà Nguyễn Thị Kim T tự giao nộp, được giao nhận từ Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre (giấy giả). Đây là tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc phạm tội của bị cáo nên lưu vào hồ sơ vụ án (Đã lưu theo bút lục 261-264).

- Một (01) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ghi tên ông Dương Thanh Q, sinh năm 1966, thường trú ấp V, xã Đ, huyện B, tỉnh T, số bìa sổ BE964380, số vào sổ cấp giấy CH01159, thửa đất số 402, tờ bản đồ số 17, diện tích 173m², địa chỉ xã C, huyện B, tỉnh T (phần nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý sau khi cấp giấy chứng nhận là người sử dụng đất thay đổi địa chỉ thường trú từ ấp V, xã Đ, huyện B, tỉnh T thành ấp H, xã C, huyện B, tỉnh T xác nhận vào ngày 16/04/2018) do bà Trần Thị Á tự giao nộp, được giao nhận từ Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre (giấy giả). Đây là tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc phạm tội của bị cáo nên lưu vào hồ sơ vụ án (Đã lưu theo bút lục 265-268).

[8] Về các vấn đề khác:

- Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên Tòa sơ thẩm về tội danh, hình phạt, trách nhiệm dân sự đối với bị cáo Võ Thị Ngọc P là có căn cứ, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

- Quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Nguyễn Thị Kim T đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ điều tra bổ sung để làm rõ nội dung bị cáo có đưa

cho bà M một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả giống của bị hại Á hay không để không bỏ lọt tội phạm vì tại phiên Tòa bị hại Á khai đã thấy bà M có đưa cho bà Á một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giống bản bị cáo P đưa cho bà Á. Hội đồng xét xử xét thấy tại biên bản ghi lời khai bà Lê Thị Thùy M ngày 14/11/2022 (Bút lục số 757) bà M đã khai rõ là bà M có cho bị cáo P vay tiền, bị cáo có đưa 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Võ Thanh Q cho bà M. Bị cáo đã trả tiền cho bà M và bà M đã trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Võ Thanh Q cho bị cáo xong. Do đó, đề nghị của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Nguyễn Thị Kim T không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

- Kết quả điều tra xác định ông Dương Thanh Q không biết sự việc bị cáo sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bộ máy scan, in màu của để thực hiện việc làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sử dụng giấy tờ giả này lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà T, bà Á và không tham gia sự việc bị cáo P thỏa thuận vay tiền và cũng không sử dụng tiền vay mà bị cáo vay tiền của bà T, bà Á. Do đó, ông Q không đồng phạm và không xem xét xử lý đối với ông Q là đúng quy định của pháp luật.

- Bị cáo và bà T có thỏa thuận miệng lãi suất vay 2.000 đồng/01 ngày/1.000.000 đồng, tương đương với mức lãi suất 6%/tháng, 72%/năm, việc thỏa thuận này không có giấy tờ chứng minh. Bị cáo cũng chưa thực hiện việc trả lãi cho bà T. Căn cứ quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự và Điều 201 Bộ luật Hình sự thì không có cơ sở xem xét, xử lý bà T về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

[9] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án cũng như bồi thường dân sự cho bị hại nên bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Võ Thị Ngọc P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Thị Ngọc P **04 (Bốn) năm tù** về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Thị Ngọc P **02 (Hai) năm tù** về tội: “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Thị Ngọc P **02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù** về tội: “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt cả 03 tội, buộc bị cáo Võ Thị Ngọc P phải chấp hành hình phạt chung là **08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù**.

Thời hạn tù tính từ ngày 30/9/2022.

[2] Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 357, 468, 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự.

- Buộc bị cáo Võ Thị Ngọc P trả cho bị hại bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 381.352.000 đồng (Ba trăm tám mươi một triệu ba trăm năm mươi hai nghìn đồng) (Gồm nợ gốc 219.000.000 đồng, tiền lãi suất 162.352.000 đồng).

- Buộc bị cáo Võ Thị Ngọc P trả cho bị hại bà Trần Thị Á số tiền 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[3] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 2 Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Trả lại cho ông Dương Thanh Q:

+ Một (01) thùng CPU nhãn hiệu Wesfcom màu trắng đen có kích thước: cao 36cm, dài 40,8cm, rộng 07cm; không có nắp thùng bên hông; Một (01) bàn phím có màu đen nhãn hiệu EBLUE có kích thước: dài 47cm, rộng 08cm, cao 03cm; Một (01) màn hình có màu đen nhãn hiệu LG, FPT 21in có kích thước: dài 45cm, rộng 2,5cm, cao 36cm; Một (01) máy in có màu đen nhãn hiệu EPSON hiệu L805 có kích thước: dài 56cm, rộng 08cm, cao 18,9cm; bên hông có gắn 06 ngăn đựng mực in có nhiều màu; Một (01) máy Scan màu kỹ thuật cao có màu đen nhãn hiệu Epson Perfection EPSON V330 Photo có kích thước: dài 43cm, rộng 28cm, cao 06cm.

+ Một (01) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ghi tên ông Dương Thanh Q, sinh năm 1966, cư trú: ấp H, xã C, huyện B, tỉnh T, số bìa sổ BE964380, sổ vào sổ cấp giấy CH01159, thửa đất số 402, tờ bản đồ số 17, diện tích 173m², địa chỉ xã C, huyện B, tỉnh T (phần nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý sau khi cấp giấy chứng nhận là người sử dụng đất thay đổi địa chỉ thường trú từ ấp V, xã Đ, huyện B, tỉnh T thành ấp HT, xã C, huyện B, tỉnh T xác nhận vào ngày 16/4/2018 (giấy thật) do bị cáo Võ Thị Ngọc P tự giao nộp.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim T:

Một (01) sổ bảo hiểm xã hội cấp lần 2; số sổ 5596008259 mang tên Võ Thị Ngọc P, sinh năm 1969, cư trú tại ấp H, xã C, huyện B, tỉnh T; chứng minh nhân dân số 320660064, cấp ngày 28/5/2019, tại Công an tỉnh Bến Tre; từ tháng 09/1989 đến tháng 12/2016 (Sổ thật) do bà Nguyễn Thị Kim T tự giao nộp.

- Trả lại cho bị cáo Võ Thị Ngọc P:

Giấy tờ xác nhận việc đóng bảo hiểm xã hội của bà Võ Thị Ngọc P, sinh năm 1969, cư trú tại ấp H, xã C, huyện B, tỉnh T mã số 5596008259; chứng minh nhân dân số 320660064, cấp ngày 28/5/2019, tại Công an tỉnh Bến Tre; từ tháng 01/2017 đến tháng 12/2020 (giấy thật) do bị cáo Võ Thị Ngọc P tự giao nộp.

(Theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 06/4/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Đại với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại đang quản lý).

[4] Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Võ Thị Ngọc P phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

- Án phí Dân sự sơ thẩm: Bị cáo Võ Thị Ngọc P phải nộp 21.854.000 đồng (Hai mươi một triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn đồng) ($446.352.000 \text{ đồng} = 20.000.000 \text{ đồng} + 4\% \times 46.352.000 \text{ đồng}$)

[5] Về quyền và thời hạn kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo Bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[6] Về thi hành án: Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Nhà tạm giữ công an huyện Bình Đại (1b)
- VKSND huyện Bình Đại (1b);
- Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại (1b);
- Cơ quan điều tra công an huyện Bình Đại (1b);
- UBND xã C (1b);
- Bị cáo, bị hại (3b);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (1b);
- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại T (1b)
- Bộ phận thi hành án hình sự (1b);
- Tòa hình sự (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án và văn phòng (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương